

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT  
Ngày: 09 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Thành Tân

Bà Nguyễn Thị Tư

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 141/2020/HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Tiêu Thành Th, sinh năm: 1970. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số 262/18, ấp PD 1, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: chị Trương Thị Thanh H, sinh năm: 1967. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số 262/18, ấp PD 1, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: bị đơn chị Trương Thị Thanh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 của anh Tiêu Thành Th, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án, thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Tiêu Thành Th và chị Trương Thị Thanh H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và sống chung từ năm 1986, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung anh và chị H sinh sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, chị H nghi ngờ anh không chung thủy; mâu thuẫn giữa anh và chị H ngày càng trầm trọng vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh làm đơn yêu cầu ly hôn với chị H. Năm 2019 anh đã khởi kiện xin ly hôn với chị H, tại bản án số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên không cho anh ly hôn với chị H với lý do mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, cho anh và chị H đoàn tụ.

Sau khi đoàn tụ theo bản án của Tòa án thì anh và chị H vẫn không thể tiếp tục chung sống được, nên anh đến nhà chú ruột ở từ tháng 10/2019 đến nay; chị H lấy tài sản trong nhà của vợ chồng đem bán nên anh và chị H có tranh cãi xô xát nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian không sống chung đã lâu, không thể hàn gắn, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: có hai con chung gồm Tiêu Văn C, sinh năm: 1987 và Tiêu Thị Kim Y, sinh năm: 1993; hiện đã trưởng thành, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày: chị và anh Tiêu Thành Th tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị phát hiện anh Th có người phụ nữ khác bên ngoài; anh Th đã làm đơn ly hôn với chị được Tòa án giải quyết bằng bản án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th, cho anh chị đoàn tụ. Sau khi tòa án giải quyết cho đoàn tụ thì vào tháng 2/2020 (âm lịch) anh Th dọn qua nhà chú ruột ở đến nay nhưng cũng thường xuyên về nhà. Chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th vì còn thương anh Th và hiện anh Th đang bị bệnh nên chị muốn chăm sóc chu đáo cho anh Th.

Về tài sản chung, nợ chung, con chung: thống nhất theo lời trình bày của anh Th.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 141/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LH quyết định:

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Tiêu Thành Th được ly hôn với chị Trương Thị Thanh H.

Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh Th, chị H không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 12 năm 2020, bị đơn chị Trương Thị Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung: không đồng ý ly hôn, yêu cầu tòa án giải quyết cho chị và anh Th được đoàn tụ.

Tại phiên tòa: anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý đến khi giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự tham gia phiên tòa cũng chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: anh Th và chị H sống chung từ năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị định số 35/2000/NQ-QN10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa anh Th và chị H là hôn nhân thực tế, pháp luật công nhận là vợ chồng. Bản án số 34/2019/HNGĐ ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Th về việc yêu cầu ly hôn với chị H do vợ chồng mâu thuẫn chưa trầm trọng. Anh Th trình bày sau khi tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì anh Th không sống chung với chị H được nên đến nhà chú ruột để sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay, lời trình bày này của anh Th phù hợp với nội dung biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh Thuận, chị Hương ngày 26/11/2020, thể hiện anh Th, chị H không còn sống chung nhà, Trong thời gian Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long cho đoàn tụ các bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cư cãi, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn đời sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên kháng cáo của chị H là không có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm; chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: anh Tiêu Thành Th và chị Trương Thị Thanh H sống chung trên cơ sở tự nguyện từ năm 1986, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh Th và chị H là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Xét kháng cáo xin đoàn tụ của chị H là không có cơ sở chấp nhận, vì: tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh Th xác định mâu

thuần giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, anh xác định không còn tình cảm với chị H, từ khi có bản án số 34/2019/HNGĐ-PT ngày 09/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết cho anh được đoàn tụ về sống chung với chị H, nhưng trong thời gian đoàn tụ anh Th không sống chung với chị H, không ăn chung, ngủ chung, chị H nghi ngờ anh Th không chung thủy, thường xuyên cự cãi nhau, giữa hai vợ chồng không đưa ra giải pháp đoàn tụ. Mặc khác, theo biên bản xác minh ngày 26/11/2020, ông Huỳnh Văn C – trưởng ban nhân dân ấp PD1 thì “trước đây mâu thuẫn giữa chị H và anh Th có xảy ra, nhiều lần vợ chồng anh Th, chị H được Công an xã BHP đến làm việc về hai vợ chồng đánh nhau. Sau đó, hai vợ chồng có làm đơn ly hôn đến Tòa án giải quyết, sau khi ly hôn về thì thấy vợ chồng sống cũng bình thường, gần đây anh Th bị bệnh, chị H cũng chăm sóc nhưng anh Th không có sống chung với chị H”. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Th và chị H đã trầm trọng, không có sự tin tưởng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình, anh Th cũng xác định không còn tình cảm với chị H, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh Th được ly hôn với chị H là có cơ sở.

[3] Về con chung: các con đã thành niên, tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: anh Th, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: do không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Thanh H, nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 141/2020/HNGĐ-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LH

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: cho anh Tiêu Thành Th được ly hôn với chị Trương Thị Thanh H.

Về con chung: không xem xét.

Về tài sản chung: không xem xét.

Án phí: căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm; khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006378 ngày 29 tháng 12 năm 2020; chị H đã nộp đủ.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TAND HLH: 01;
- CQTHADS HLH: 01;
- NKC, Đ/S: 02;
- UBND xã B: 01;
- Lưu Tòa Dân sự: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Huỳnh Thị Kiều Duyên**

